

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÁI NINH
Số: 17 /QĐ-BVĐKTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Thái Thụy, ngày 06 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025 của Bệnh viện đa khoa Thái Ninh

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính, công đoàn bệnh viện đa khoa Thái Ninh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của bệnh viện đa khoa Thái Ninh (theo các biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3: Bộ phận Tài chính, công đoàn tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Sở y tế;
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GIÁM ĐỐC

BSCK II Đỗ Thái Học

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (2) báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm trước	Năm hiện hành		Dự toán năm kế hoạch
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	Tổng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Thu sự nghiệp, dịch vụ	40.855	45.600	53.000	60.600
1.1	Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá	40.321	45.000	52.400	60.000
	<i>Trong đó: Phần thu tăng thêm do thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định</i>				
1.2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật	534	600	600	600
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)				
2	Nguồn thu phí được để lại				
3	Nguồn ngân sách nhà nước				
3.1	Ngân sách trong nước				
-	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (<i>chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ</i>)				
-	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Nguồn thu hợp pháp khác				
II	Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	33.129	38.156	45.556	52.100
1.1	Chi tiền lương	13.906	17.157	19.756	22.100
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý				
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định				
1.4	Chi khác theo quy định	19.223	20.999	25.800	30.000
1.5	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Kinh phí thường xuyên				
2.2	Kinh phí không thường xuyên				
3	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước				
3.1	Ngân sách trong nước				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác				

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÁI NINH

**PHỤ LỤC THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU -CHI TỪ DỊCH VỤ KHÁM CHỮA
BỆNH NĂM 2025**

(Phụ lục kèm quyết định số 17/QĐ-BVĐKTN ngày 06/01/2025 của giám đốc BVĐK Thái Ninh)

Đơn vị tính : 1.000 đồng

MỤC	NỘI DUNG CHI	THÀNH TIỀN
	I. Phần thu	60.600.000
	1.Thu trực tiếp từ người bệnh	7.000.000
	2.Thu từ hoạt động KCB BHYT	53.000.000
	3. Thu khác	600.000
	II Phần chi	52.100.000
	Chi thanh toán cá nhân	22.102.300
6000	Tiền lương	10.490.944
6001	Tiền lương CBBC (373.61*2.340*12 tháng)	10.490.944
6050	Tiền công trả cho LĐ thường xuyên theo hợp đồng	1.248.437
6100	Phụ cấp lương CBBC, CBHĐ	7.425.777
6101	Phụ cấp chức vụ : 12*2.340*12 tháng	336.960
6105	Phụ cấp thêm giờ	45.000
6107	Phụ cấp độc hại : 7.2*2.340*12 tháng	202.176
6112	Phụ cấp ưu đãi : 180.85*2.340*6 tháng	5.078.268
6113	Phụ cấp trách nhiệm 4.1*2.340*12tháng	115.128
6114	Phụ cấp trực	1.000.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung 5 *2.340 *12 tháng	140.400
6116	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành (Bồi dưỡng PTTT)	450.000
6123	Phụ cấp Đảng, đoàn thể	57.845
6300	Các khoản phải nộp (CBBC)	2.862.142
6301	Bảo hiểm xã hội 17,5% (12 tháng)	2.129.138
6302	Bảo hiểm y tế 3% 12 tháng	366.502
6304	Bảo hiểm thất nghiệp phải nộp 1% 12 tháng	122.167
6303	Kinh phí công đoàn 2% 12 tháng	244.335
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	75.000
6401	Tiền ăn ca Theo QĐ 73	25.000
6449	Chi khác	50.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	29.997.700
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	890.000
6501	Thanh toán tiền điện	500.000
6502	Thanh toán tiền nước	160.000

6503	Thanh toán tiền nhiên liệu	150.000
6504	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	80.000
6550	Vật tư văn phòng	270.000
6599	Vật tư VP khác	270.000
6600	Thông tin truyền lạc	107.000
6601	Cước phí điện thoại trong nước	9.500
6603	Cước phí bưu chính	500
6605	Cước phí internet thư điện tử	50.000
6606	Tuyên truyền quảng cáo	15.000
6608	ấn phẩm truyền thông	2.000
6618	Khoản điện thoại	30.000
6650	Hội nghị	50.000
6699	Chi phí khác	50.000
6700	Công tác phí	51.000
6702	Phụ cấp công tác phí	11.000
6704	Khoản công tác phí	40.000
6750	Chi phí thuê mướn	165.000
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	15.000
6799	Chi phí thuê mướn khác	150.000
6900	Sửa chữa TS phục vụ công tác chuyên môn	905.000
6903	Xe chuyên dùng	30.000
6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng	250.000
6913	Tài sản thiết bị văn phòng	95.000
6921	Đường điện, cấp thoát nước	130.000
6949	Tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	400.000
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	26.410.000
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn	25.000.000
7004	Đồng phục trang phục	150.000
7012	Chi phí hoạt động chuyên môn từng ngành	1.200.000
7049	Chi khác	60.000
7050	Mua sắm tài sản vô hình	350.000
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	350.000
7750	Chi khác	799.700
7756	Chi các khoản phí là lệ phí	90.000
7757	Bảo hiểm tài sản và phương tiện	9.700
7761	chi tiếp khách	150.000
7799	Chi các khoản khác	550.000
	III. SỐ THẶNG DƯ	8.500.000

1	Chi bổ sung thu nhập	3.750.000
2	Trích lập các quỹ	4.750.000
2.1	Quỹ khen thưởng	150.000
2.2	Quỹ phúc lợi	1.200.000
2.3	Quỹ phát triển HDSN	3.400.000

Thái Thụy, Ngày 06 tháng 01 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GIÁM ĐỐC

BSCK II Đỗ Thái Học

